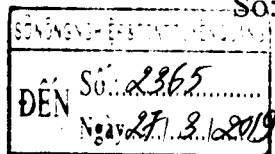


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 245 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chi tiết kế hoạch vốn đầu tư dự án phát triển
lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 380 /QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án Phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019, tỉnh Tuyên Quang.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 27/TTr-SKH ngày 18/3/2019 về việc xin phê duyệt chi tiết kế hoạch vốn đầu tư dự án phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chi tiết kế hoạch vốn đầu tư dự án phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang năm 2019, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn: 8.000 triệu đồng (*Tám tỷ đồng chẵn*), trong đó:

1.1. Các hạng mục lâm sinh

a) Bổ sung vốn cho các hạng mục đầu tư lâm sinh đã thi công năm 2018 tổng số 1.166,53 triệu đồng, gồm:

- Chăm sóc năm 2: diện tích 135,6 ha; vốn 317,87 triệu đồng.

- Chăm sóc năm 3: diện tích 236,0 ha; vốn 412,74 triệu đồng.

- Chăm sóc năm 4: diện tích 241,1 ha; vốn 390,31 triệu đồng.

- Chi phí quản lý, nghiệm thu lập hồ sơ thiết kế: 45,62 triệu đồng.

b) Hạng mục đầu tư lâm sinh thi công năm 2019 tổng số 1.664,73 triệu đồng, gồm:

- Chăm sóc năm 2: diện tích 35,5 ha; vốn 282,11 triệu đồng.
- Chăm sóc năm 3: diện tích 135,6 ha; vốn 671,27 triệu đồng.
- Chăm sóc năm 4: diện tích 191 ha; vốn 556,07 triệu đồng.
- Chi phí quản lý, nghiệm thu: 45,62 triệu đồng

1.2. Hạng mục cải tạo nâng cấp đường ô tô lâm nghiệp: 5.278,74 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết đính kèm)

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 giao tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị được giao làm chủ đầu tư các hạng mục công trình thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 nêu tại Điều 1 Quyết định này phải quản lý, sử dụng vốn ngân sách được giao bảo đảm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang quản lý, tạm ứng, cấp phát kịp thời vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 trên địa bàn tỉnh bảo đảm chặt chẽ, có hiệu quả và theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch giao tại Quyết định này theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các chủ đầu tư trong việc thực hiện Quyết định này và thẩm định quyết toán vốn đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy: (Báo
- Thường trực HĐND tỉnh: | cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3: (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NLN, TC (Hòa 36).

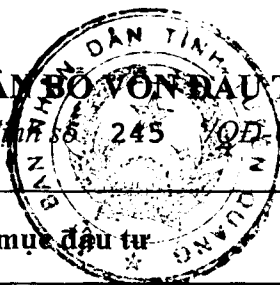
**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng (ha)	Vốn (triệu đồng)
	Tổng cộng		8,000
I	Bổ sung vốn thiếu cho khối lượng lâm sinh thi công hoàn thành năm 2018		1.166,53
1	Chăm sóc rừng trồng năm 2	135,6	317,87
2	Chăm sóc rừng trồng năm 3	236,0	412,74
3	Chăm sóc rừng trồng năm 4	241,1	390,31
4	Chi phí quản lý, nghiệm thu		45,62
II	Hạng mục lâm sinh thi công năm 2019		1.554,73
1	Chăm sóc rừng trồng năm 2	35,5	282,11
2	Chăm sóc rừng trồng năm 3	135,6	671,27
3	Chăm sóc rừng trồng năm 4	191,0	556,07
4	Chi phí quản lý, nghiệm thu (3% chi phí trực tiếp)		45,28
III	Đường ô tô lâm nghiệp		5.278,74